TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:12/2025/QĐST-DS	*TH, ngày 09 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 100 và 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và Thông tư số: 12/2010/TT – NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước, các Điều 7, 8, 10, 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b, c khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 23/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự;

- *Nguyên đơn:*

1. Công ty cổ phần M

Địa chỉ: Tầng S, tòa nhà V, số X DT, phường NĐ, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T, Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T – Chức vụ: Phó Giám đốc , theo văn bản ủy quyền số 2525/2024/UQ-Mars ngày 05/11/2024 của ông Bùi Công T.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Văn C, bà Đào Thị B – Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 5460/2025/UQ-M ngày 10/10/2025)

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà TTTM TH, số 27-29 Đại lộ LL, phường HT, tỉnh

TH.

2. Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số X LH, phường GV, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L – Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý, theo văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024 của ông Ngô Chí D.

Người được ủy quyền lại: Bà Tống Thị L - Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 87/2025/UQ-V ngày 14/3/2025) – SĐT L: 0899621789)

- Bị đơn:

1. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1956

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1957.

Cùng địa chỉ: Làng B, xã KT, tỉnh TH

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ.

Đại diện ngân hàng V, đại diện công ty cổ phần M và ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N thống nhất ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N có trách nhiệm thanh toán cho công ty cổ phần M và ngân hàng V số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến hết ngày 28/11/2025. Ông Bùi Văn T và bà Phạm Thị N còn nợ Công ty M và V số tiền, cụ thể như sau:

- Nợ gốc:

Công ty M số tiền: 438,760,000đ (Bốn trăm ba mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)

Ngân hàng TMCP V số tiền là: 4,240,000đ (Bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)

Tổng số tiền nợ gốc của công ty M và V là: 443,000,000đ (Bốn trăm bốn mươi ba triệu đồng)

- Nợ lãi trong hạn:

Công ty M số tiền: 4,098,645đ (Bốn triệu không trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng)

Ngân hàng TMCP: 41,400đ (Bốn mươi mốt nghìn bốn trăm đồng)

Tổng số tiền nợ lãi trong hạn của công ty M và V là: 4,140,045đ (Bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng)

- Nợ lãi quá hạn:

Công ty M số tiền: 147,317,299đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm mười bảy nghìn hai trăm chín mươi chín đồng)

Ngân hàng TMCP V số tiền: 1,228,613đ (Một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm mười ba đồng)

Tổng số tiền nợ lãi quá hạn của công ty M và V: 148,545,912đ (Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm mười hai đồng)

- Lãi chậm trả:

Công ty M số tiền: 17,264,597đ (Mười bảy triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng)

Ngân hàng TMCP V số tiền: 162,766đ (Một trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng)

Tổng số tiền lãi chậm trả của công ty M và V: 17,427,362đ (Mười bảy triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng)

- Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi chậm trả:

Công ty M số tiền: 607,440,541đ (Sáu trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn năm trăm bốn mươi mốt đồng)

Ngân hàng TMCP V số tiền: 5,672,779đ (Năm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng.

Tổng số tiền ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N còn nợ của công ty M và V là: 613,113,320đ (sáu trăm mười ba triệu, một trăm mười ba nghìn ba trăm hai mươi đồng)

Ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N sẽ trả toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng TMCP V và công ty M ngay sau khi quyết định có hiệu lực có pháp luật.

Kể từ ngày 29/11/2025, ông Bùi Văn T và bà Phạm Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Bùi Văn T và bà Phạm Thị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và công ty M theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

Nếu ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì ngân hàng V và công ty M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 75 tờ bản đồ số 11, địa chỉ Làng B, Xã PT, Huyện NL, Tỉnh TH (nay là làng B, xã KT, tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ839210,Số vào sổ cấp GCN số CH01316 mang tên người sử dụng ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N.

Trường hợp ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N tất toán toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP V và công ty M phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N. Trường hợp số tiền có được từ việc phát mại tài sản thế chấp sau khi thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V và công ty M mà còn thừa thì số tiền còn thừa phải trả lại cho bên thế chấp là ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N. Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ, thì ông ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N có trách nhiệm tiếp tục thực hiện việc trả các khoản tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi hoàn tất xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V và công ty M theo hợp đồng mà ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N đã ký.

b. Về án phí.

- *Đối với công ty* M

Ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N phải chịu 14.148.810đ (mười bốn triệu một trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm mười đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- *Đối với Ngân hàng TMCP V*

Ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N phải chịu 150.000đ (Một trăm năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị N phải chịu là 14.298.810đ (mười bốn triệu hai trăm chín mươi tám nghìn tám trăm mười đồng)

Ngân hàng TMCP V được hoàn trả lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng TMCP V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL (nay là phòng thi hành án dân sự) theo biên lai số: 0007561 ngày 28/03/2025.

Công ty cổ phần M được hoàn trả lại số tiền 12.600.000đ (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà công ty cổ phần M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL (nay là phòng thi hành án dân sự) theo biên lai số: 0007560 ngày 28/03/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh TH;
- THADS tỉnh TH;
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 10 - TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Xuân Thành